

TÀI LIỆU ÔN TẬP MÔN ĐỊA LÍ 11 KTGHK I
NĂM HỌC 2023-2024

Phần I: Gồm bảng đặc tả, ma trận đề kiểm tra:

1. Bảng đặc tả:

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nh ận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước	<ul style="list-style-type: none">- Các nhóm nước- Sự khác biệt về kinh tế - xã hội	<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none">- Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.- Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân (tính theo GNI/người); cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none">- Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước, phân tích được bảng số liệu về kinh tế - xã hội của các nhóm nước.		1a*1b*	1a*	
2	Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế và an ninh toàn cầu	<ul style="list-style-type: none">- Toàn cầu hoá kinh tế- Khu vực hoá kinh tế- Một số tổ chức khu vực và quốc tế	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none">- Trình bày được các biểu hiện của toàn cầu hoá kinh tế.- Trình bày được các biểu hiện của khu vực hoá kinh tế.- Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN),	10	1a*1b*	1a*	

		<ul style="list-style-type: none"> – An ninh toàn cầu 	<p>Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC).</p> <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế. – Trình bày được các hệ quả của khu vực hoá kinh tế. - Phân tích được ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới. - Phân tích được ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới. – Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình. – Trình bày được cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển. 				
3	Nền kinh tế tri thức	<ul style="list-style-type: none"> – Đặc điểm – Các biểu hiện 	<p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức. 			1a*	
4	Khu vực Mỹ Latinh	<ul style="list-style-type: none"> – Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên – Dân cư, xã hội – Kinh tế – Cộng hoà Liên 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực. – Trình bày được vấn đề đô thị hoá, một số vấn đề về dân cư, xã hội của khu vực. <p>Thông hiểu</p>	6	1a*1b*	1a*	1b

1	Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các nhóm nước	<ul style="list-style-type: none"> – Các nhóm nước – Sự khác biệt về kinh tế - xã hội 				1a*1b*		1a*		 điểm
2	Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế và an ninh toàn cầu	<ul style="list-style-type: none"> – Toàn cầu hoá kinh tế – Khu vực hoá kinh tế – Một số tổ chức khu vực và quốc tế – An ninh toàn cầu 	10			1a*1b*		1a*		 điểm
3	Nền kinh tế tri thức	<ul style="list-style-type: none"> – Đặc điểm – Các biểu hiện 						1a*		 điểm
4	Khu vực Mỹ Latinh	<ul style="list-style-type: none"> – Vị trí địa lí và điều kiện 	6			1a*1b*		1a*		1b	

		tự nhiên – Dân cư, xã hội – Kinh tế – Cộng hoà Liên bang Brasil (Brazil): Tình hình phát triển kinh tế và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết					 điểm
	Số câu/ loại câu	16 câu TNKQ	1 câu TL	1 câu (a) TL	1 câu (b) TL			
	Tổng hợp chung	40%	30%	20%	10%			

Phần II: Câu hỏi tự luận (gợi ý trả lời - theo bài học).

Bài 1: Sự khác biệt về kinh tế - xã hội:

- Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.

Bài 3: Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế,

Phân tích được ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.

Bài 5: Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).

Bài 6: - Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay và khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.

Bài 8: - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Trình bày được vấn đề đô thị hoá, một số vấn đề về dân cư, xã hội và phân tích ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực.

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

- Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét.

- Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Mỹ Latinh.

Phần II: Câu hỏi bài tập, vẽ biểu đồ (tròn, cột, đường).

Câu 1: Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI CỦA ANH VÀ INĐÔNÊXIA, NĂM 2021
(Đơn vị: %)

	0 đến 14 tuổi	15 đến 64 tuổi	Trên 65 tuổi
Anh	18	63	19
Inđônêxia	28	68	6

a) Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của hai nước trên.

b) Rút ra nhận xét cần thiết.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Quy mô GDP của Braxin, giai đoạn 2000 -2021 (Tỉ USD)

Năm	2000	2005	2010	2015	2021
Quy mô	655,5	891,6	2 208,9	1 802,2	1 609,0

a) Vẽ biểu đồ cột thể hiện Quy mô GDP của Braxin, giai đoạn 2000 -2021.

b) Rút ra nhận xét cần thiết.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Tỉ lệ gia tăng dân số của khu vực Mỹ Latinh, giai đoạn 2000 -2020 (%)

Năm	2000	2010	2015	2020
Tỉ lệ tăng	1,56	1,19	1,08	0,94

a) Vẽ biểu đồ đường thể hiện Tỉ lệ gia tăng dân số của khu vực Mỹ Latinh, giai đoạn 2000 -2020.

b) Rút ra nhận xét cần thiết.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Phần IV: Câu hỏi trắc nghiệm theo bài:

Bài 1:

Câu 1: Chỉ số nào dưới đây là thước đo tổng hợp sự phát triển của con người?

- A. HDI B. GNI C. GIN D. GDP

Câu 2: Các nước đang phát triển không có đặc điểm nào dưới đây?

- A. GNI/người ở mức trung bình cao, trung bình thấp và thấp.
B. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đã đạt mức giới hạn.
C. Chỉ số HDI thường ở mức cao, trung bình và thấp.
D. Phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động.

Câu 3: Nền kinh tế của các nước phát triển đang có sự thay đổi như thế nào?

- A. Phát triển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức.
B. Chuyển dịch nhanh chóng cơ cấu ngành kinh tế.
C. Ngành nông nghiệp đóng vai trò quan trọng nhất.
D. Ngành dịch vụ chi phối toàn bộ các hoạt động kinh tế khác.

Câu 4: Một trong những thách thức lớn về mặt xã hội của các nước đang phát triển là gì?

- A. Vấn đề phân bố dân cư. B. Vấn đề già hoá dân số.
C. Chất lượng nguồn lao động. D. Chất lượng cơ sở hạ tầng thấp.

Câu 5: Các nước đang phát triển có lợi thế nào về mặt xã hội?

- A. Đa dạng văn hoá, sức hút du lịch. B. Dân số trẻ, nguồn lao động dồi dào.
C. Cơ sở hạ tầng hoàn thiện và hiện đại. D. Chất lượng và năng suất lao động cao.

Bài 3:

Câu 1: Toàn cầu hoá kinh tế có biểu hiện nào dưới đây?

- A. Tăng giá trị nhập khẩu dịch vụ B. Tăng giá trị xuất khẩu hàng hoá.
C. Tăng nhanh thương mại quốc tế. D. Tăng nhanh thương mại nội địa.

Câu 2: Ý nào sau đây không đúng khi nói về hệ quả của toàn cầu hoá?

- A. Thúc đẩy hợp tác quốc tế. B. tăng tính độc quyền sản xuất.
C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. D. Gia tăng phân hoá giàu nghèo.

Câu 3: Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực hình thành không phải do sự liên kết các quốc gia có:

- A. nét tương đồng về địa lí. B. nét tương đồng về văn hoá.
C. chung mục tiêu phát triển. D. sử dụng đồng tiền chung.

Câu 4: Khu vực hoá kinh tế không đem lại hệ quả nào sau đây?

- A. Tạo nên động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. B. Tăng cường tự do hoá thương mại.
C. Giảm sức ảnh hưởng của các cường quốc.
D. Tạo lập những thị trường khu vực rộng lớn.

Câu 5: Các tiêu chuẩn áp dụng toàn cầu không nhằm mục đích:

- A. nâng cao chất lượng sản phẩm, quản lý quá trình, cung cấp dịch vụ, ... trên toàn cầu.

- B. nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, tiếp cận thị trường quốc tế hiệu quả.
- C. khai thác triệt để các lợi thế so sánh của một quốc gia.
- D. góp phần thúc đẩy phát triển thương mại thế giới.

Bài 5:

Câu 1: Liên hợp quốc (UN) có nhiệm vụ:

- A. duy trì trật tự thế giới bền vững.
- B. duy trì hoà bình và an ninh thế giới.
- C. giám sát hệ thống tài chính toàn cầu.
- D. hướng tới nền thương mại toàn cầu tự do.

Câu 2: Tổ chức liên chính phủ nào dưới đây có số lượng quốc gia thành viên lớn nhất (năm 2020)?

- A. Liên hợp quốc.
- B. Quỹ tiền tệ quốc tế.
- C. Tổ chức thương mại thế giới.
- D. Ngân hàng thế giới.

Câu 3: Tổ chức thương mại thế giới có trụ sở đặt tại:

- A. Giơ ne vơ, Thụy Sĩ.
- B. Niu Gióc, Hoa Kỳ.
- C. Oa sin ton, Hoa Kỳ.
- D. Brúc Xen, Bỉ.

Câu 4: APEC là tên viết tắt của tổ chức nào sau đây:

- A. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
- B. Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ.
- C. Hiệp hội các nước Đông Nam Á.
- D. Hội nghị thượng đỉnh Á - Âu.

Bài 6:

Câu 1: Vấn đề nào dưới đây không phải là mối đe dọa đến hoà bình và an ninh quốc tế hiện nay?

- A. Thiếu lương thực.
- B. Tranh chấp biên giới.
- C. Biến đổi khí hậu.
- D. Tai nạn giao thông.

Câu 2: Những khu vực nào dưới đây chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của nạn đói?

- A. Bắc Phi, Nam Mỹ.
- B. Bắc Mỹ, Đông Nam Á.
- C. Đông Phi, Trung Phi.
- D. Nam Phi, Trung Mỹ.

Câu 3: Lưu vực sông nào dưới đây bị căng thẳng an ninh nguồn nước?

- A. Sông Mê Kông.
- B. Sông Hằng.
- C. Sông Nin.
- D. Sông Đanuyp.

Câu 4: Khu vực nào sau đây chiếm vị trí quan trọng về năng lượng dầu mỏ?

- A. Tây Nam Á.
- B. Đông Nam Á.
- C. Đông Á.
- D. Nam Á.

Câu 5: Ý nào sau đây không đúng khi đề cập đến an ninh mạng?

- A. Mọi quốc gia đều có nguy cơ bị tấn công mạng.
- B. Hoạt động tấn công mạng ngày càng tinh vi.
- C. Vấn đề an ninh mạng là hậu quả của phát triển công nghệ.
- D. Đảm bảo an ninh mạng là nhiệm vụ cấp bách của nhiều quốc gia.

Câu 6: Nguồn năng lượng chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu sử dụng năng lượng của thế giới năm 2021 là:

- A. dầu mỏ. B. khí tự nhiên. C. năng lượng hạt nhân. D. năng lượng tái tạo.

Bài 8: Khu vực Mỹ Latinh: 6

Câu 1: Ý nào sau đây không đúng khi nói về vị trí địa lí và lãnh thổ của Mỹ Latinh?

- A. Nằm hoàn toàn ở Tây bán cầu. B. Trải dài trên nhiều vĩ độ.
C. Không có đường xích đạo đi qua. D. Tách biệt với các châu lục khác.

Câu 2: Đồng bằng có diện tích lớn nhất khu vực Mỹ Latinh là:

- A. Laplata. B. Amadôn. C. Lanốt. D. Pampa.

Câu 3: Khu vực Mỹ Latinh không có sơn nguyên nào sau đây?

- A. Anđét. B. Mêhicô. C. Guyan. D. Braxin.

Câu 4: Đường bờ biển của Mỹ Latinh có nhiều vũng, vịnh nước sâu tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển ngành:

- A. cảng biển. B. du lịch biển.
C. khai thác thuỷ hải sản. D. khai thác khoáng sản.

Câu 5: Ý nào không đúng khi nói về quy mô dân số của Mỹ Latinh?

- A. Dân số ít, có sự chênh lệch lớn giữa các nước.
B. Dân số ít, có sự chênh lệch nhỏ giữa các nước.
C. Dân số đông, có sự chênh lệch lớn giữa các nước.
D. Dân số đông, có sự chênh lệch nhỏ giữa các nước.

Câu 6: Tỷ lệ dân thành thị của Mỹ Latinh cao chủ yếu do:

- A. khu vực đô thị có điều kiện sống lí tưởng.
B. các đô thị có chính sách thu hút dân nhập cư.
C. người dân nông thôn tập trung ở các đô thị để tìm kiếm việc làm.
D. quá trình công nghiệp hoá diễn ra mạnh mẽ thu hút dân nông thôn.

Câu 7: Cơ cấu dân số theo tuổi ở khu vực Mỹ Latinh có đặc điểm nào sau đây?

- A. Dân số trẻ, tỉ lệ dân trong độ tuổi lao động thấp.
B. Dân số trẻ, tỉ lệ dân trong độ tuổi lao động cao.
C. Xu hướng già hoá dân số, tỉ lệ dân trong độ tuổi lao động thấp.
D. Xu hướng già hoá dân số, tỉ lệ dân trong độ tuổi lao động cao.

Câu 8: Khó khăn lớn nhất trong phát triển kinh tế của nhiều nước Mỹ Latinh là:

- A. tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm. B. tỉ lệ nợ nước ngoài cao.
C. chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa rõ rệt. D. nguồn tài nguyên hạn chế.

Câu 9: Các quốc gia có ngành công nghiệp phát triển trong khu vực Mỹ Latinh là:

- A. Mê hi cô, Hôn đư rát, Chi Lê, Braxin.
B. Ác-hen-ti-na, Hôn đư rát, Chi Lê, Braxin.
C. Ác-hen-ti-na, Mê hi cô, Chi Lê, Braxin.
D. Ác-hen-ti-na, Mê hi cô, Pê-ru, Braxin.

Câu 10: Kênh đào Panama nối hai đại dương nào dưới đây?

- A. Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương. B. Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương.
C. Đại Tây Dương, Thái Bình Dương. D. Bắc Băng Dương, Thái Bình Dương.

Câu 11: Ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP của Mỹ Latinh là:

- A. nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. B. công nghiệp, xây dựng.
C. dịch vụ. D. thuế sản phẩm.

Câu 12: Đặc điểm phân bố dân cư của khu vực Mỹ Latinh là:

- A. tập trung đông ở vùng ven biển, thưa thớt ở vùng nội địa.
B. tập trung đông ở vùng nội địa, thưa thớt ở vùng ven biển.
C. phân bố đều giữa các vùng trong cả nước.
D. có mật độ dân số cao ở vùng đồi núi và sơn nguyên.

Câu 13: Đất nước Cu ba nằm ở bộ phận nào của Mỹ Latinh?

- A. Vùng Caribê. B. Trung Mỹ. C. Nam Mỹ. D. Bắc Mỹ.

Bài 9:

Câu 1: Tỉ trọng quy mô GDP của Braxin trong khu vực Mỹ Latinh năm 2021 là:

- A. 29,3% B. 28,6% C. 30,3% D. 32,3%.

Câu 2: Ý nào sau đây đúng khi nói về tốc độ tăng trưởng GDP của Braxin giai đoạn 2000 – 2021?

- A. Tăng liên tục. B. Giảm liên tục. C. Tăng không ổn định. D. Không tăng trưởng.

Câu 3: Tỉ lệ đô thị hoá của Braxin năm 2021 là:

- A. 87% B. 81% C. 83% D. 85%